

Số/No: 24.1.MV.1.1682.6

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ Sample: **KỆP FC - 085**
LÔ 270702
2. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH HIWIN HONGKONG**
3. Số lượng mẫu/ Quantity: **01**
4. Tình trạng mẫu/ Observation: *Xem ảnh kèm theo*
5. Ngày nhận mẫu/ Reception date: **19 / 08 / 2024**
6. Ngày thử nghiệm/ Time duration: **19 / 08 / 2024**
7. Phương pháp thử/ Test method: **ASTM E1086 - 22**
8. Ngày hoàn thành/ Completion: **19 / 08 / 2024**
9. Kết quả thử nghiệm/ Result of testing: *Xem trang sau / See next page*

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà nội, ngày 21 / 08 / 2024
GIÁM ĐỐC/ Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.*
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.*

Số/No: 291 NV, 1/1693 6

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications		P. PHÁP THỬ Test methods	M. QUY ĐỊNH Requirement	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học	%	ASTM E1086 - 22	JIS G4305 (SUS 304)	
	• Carbon	C		≤ 0,080	0,0587
	• Silicon	Si		≤ 1,000	0,2852
	• Sulfur	S		≤ 0,030	0,0032
	• Phosphorus	P		≤ 0,045	0,0341
	• Manganese	Mn		≤ 2,000	0,8037
	• Nickel	Ni		8,000 ÷ 10,500	8,0477
	• Chromium	Cr		18,000 ÷ 20,000	18,2107
	• Molybdenum	Mo			0,0002
	• Vanadium	V			0,1076
	• Copper	Cu			0,0272
	• Tungsten	W			0,0103
	• Titanium	Ti			0,0037

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing

